


**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**  


**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ĐÔNG NAM**

## MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
ĐIỀU LỆ	4
Căn cứ :	4
CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG	4
Điều 1: Tên Công ty và hình thức	4
Điều 2: Trụ sở và địa bàn hoạt động	4
Điều 3 : Tư cách pháp nhân - Thời hạn hoạt động	5
Điều 4: Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty	5
Điều 5: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty	5
Điều 6: Tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty	6
CHƯƠNG II QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	6
Điều 7: Quyền hạn của Công ty	6
Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty	6
CHƯƠNG III VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG	7
Mục 1 VỐN	7
Điều 9: Vốn điều lệ	7
Điều 10: Vốn vay và các loại vốn khác	7
Mục 2 CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU	8
Điều 11: Cổ phần	8
Điều 12 : Cổ phiếu	8
Điều 13: Chào bán cổ phần	8
Điều 14: Chuyển nhượng cổ phần	9
Điều 15: Thừa kế cổ phần	9
Điều 16 : Phát hành cổ phiếu, trái phiếu	10
Điều 17 : Mua lại cổ phần	10
Mục 3 CỔ ĐÔNG	11
Điều 18 : Quy định chung về cổ đông	11
Điều 19: Quyền lợi của cổ đông phổ thông	12
Điều 20: Sổ đăng ký cổ đông	12
Điều 21: Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông	13
CHƯƠNG IV TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT	13
Mục 1 CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY	13
Điều 22: Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	13
Mục 2 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 23: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)	13

Điều 24: Đại hội đồng cổ đông thành lập	13
Điều 25: Đại hội đồng cổ đông thường niên	14
Điều 26: Đại hội đồng cổ đông bất thường	14
Điều 27: Thể thức triệu tập và tiến hành các Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 28: Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ	15
Điều 29: Quyền dự họp ĐHĐCĐ	15
Điều 30: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 31: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ	16
Điều 32: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	16
<b>Mục 3 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	17
Điều 33: Hội đồng quản trị	17
Điều 34: Điều kiện ứng cử Hội đồng quản trị	17
Điều 35: Chủ tịch Hội đồng quản trị	17
Điều 36 : Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	18
Điều 37: Quyền hạn và trách nhiệm Hội đồng quản trị	18
Điều 38: Cuộc họp của Hội đồng quản trị	19
Điều 39: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 40: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 41: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong HĐQT	20
Điều 42: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị	20
<b>Mục 4 TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH</b>	21
Điều 43: Tổng Giám đốc	21
Điều 44 : Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc	21
Điều 45: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc	21
Điều 46: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty	21
Điều 47: Ủy quyền - Ủy nhiệm	22
Điều 48: Từ nhiệm và miễn nhiệm	22
Điều 49: Các hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận	22
<b>Mục 5 BAN KIỂM SOÁT</b>	23
Điều 50: Ban Kiểm soát	23
Điều 51: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	23
Điều 52: Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát	24
Điều 53: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát	24
Điều 54: Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát	24
<b>CHƯƠNG V CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>	25
Điều 55: Chế độ và quyền lợi của người lao động	25
<b>CHƯƠNG VI HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ</b>	25
Điều 56: Hạch toán kế toán, trình báo cáo hàng năm	25
Điều 57: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ	26
Điều 58: Xử lý kinh doanh thua lỗ	26
<b>CHƯƠNG VII GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY</b>	26
Điều 59: Giải thể, thanh lý Công ty	26
Điều 60: Tổ tụng, tranh chấp, phá sản Công ty	27
<b>CHƯƠNG VIII CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC</b>	27
Điều 61: Điều khoản thi hành.	27

Điều 62: Con dấu	28
Điều 63: Đăng ký Điều lệ.	28

# ĐIỀU LỆ

## TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

### CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ĐÔNG NAM

#### Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2006;
- Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 21 tháng 08 năm 2008 về việc chuyển Xí nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi và Xí nghiệp Chế biến Thực Phẩm Duyên Hải trực thuộc Công ty Nông Sản Xuất Nhập Khẩu Cần Thơ thành Công ty Cổ Phần Thủy Sản Đông Nam.

Hôm nay, ngày ..... chúng tôi, những Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần .... đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này gồm 8 Chương, 63 Điều sẽ chi phối toàn bộ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy Sản Đông Nam và đồng thời mặc nhiên có hiệu lực chấp hành đối với bất kỳ ai tham gia vào Công ty sau này.

## CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

#### Điều 1: Tên Công ty và hình thức

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ĐÔNG NAM**  
Tên giao dịch đối ngoại: **DONGNAM SEEFood CORPORATION.**  
Tên giao dịch đối ngoại viết tắt : **DONG NAM CORP**  
Biểu tượng (Logo) : .....
2. Hình thức :

**Công ty Cổ phần Thủy Sản Đông Nam** (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.

#### Điều 2: Trụ sở và địa bàn hoạt động

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công Nghiệp Trà Nóc, Quan Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Điện thoại : 0710.843666

Fax :0710. 843999

Email:

Việc thay đổi trụ sở chính của Công ty sau này (nếu có) phải do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định trên cơ sở qui định của pháp luật và thông báo cho toàn thể cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

### **Điều 3 : Tư cách pháp nhân - Thời hạn hoạt động**

#### 1. Công ty :

- + Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- + Có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- + Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- + Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.
- + Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh và tự chủ về tài chính.
- + Có Bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

#### 2. Thời gian hoạt động của Công ty Cổ phần là **50 năm** kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Việc gia hạn thời gian hoạt động hoặc giải thể Công ty trước thời hạn sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4: Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh của Công ty**

#### 1. Mục tiêu :

Công ty Cổ phần được thành lập nhằm đa dạng hóa hình thức sở hữu vốn, huy động thêm vốn từ bên ngoài, sử dụng vốn có hiệu quả, khai thác mọi tiềm năng trong Công ty, phát triển sản xuất kinh doanh và dịch vụ để thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp phúc lợi cho xã hội, cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

#### 2. Phạm vi hoạt động của Công ty :

Phạm vi hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn những nội dung sau:

- + .....
- + Trong quá trình phát triển, Công ty có thể mở rộng phạm vi hoạt động sang các ngành nghề khác hoặc thay đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh, liên kết, liên doanh và hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 5: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty**

- + Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
- + Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là ĐHĐCĐ).
- + Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị (viết tắt là HĐQT) để quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội, bầu Ban Kiểm soát (viết tắt là BKS) để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.
- + Quản lý điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.
- + Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào Công ty.

## **Điều 6: Tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty**

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của Pháp luật.

**Công ty** tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia trong các tổ chức trên.

## **CHƯƠNG II QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

### **Điều 7: Quyền hạn của Công ty**

1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư;
2. Chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh;
3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
4. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu;
6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
7. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
8. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ;
9. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;
10. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định;
11. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
12. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;
13. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8: Nghĩa vụ của Công ty**

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp Báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định pháp luật về kế toán;
3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;
6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của Công ty với cơ quan Nhà nước

- có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;
7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh;
  8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG III**

### **VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG**

#### **Mục 1**

#### **VỐN**

##### **Điều 9: Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ của Công ty do cổ đông của Công ty tự nguyện đóng góp dưới hình thức mua cổ phiếu.
2. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng (ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá tại ngân hàng ngoại thương vào thời điểm cổ đông góp vốn).
3. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là :69.000.000.000đ (bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ đồng Việt Nam).  
Trong đó : Vốn góp bằng tiền :69.000.000.000đ ( Sáu mươi chín tỷ đồng Việt Nam).
4. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu :
  - + Vốn thuộc sở hữu Nhà nước :20.699.860.000đ, chiếm 30% vốn điều lệ.
  - + Vốn sở hữu của các cổ đông là CB-CNV trong Công ty: 1.716.000.000đ, chiếm 2,4% vốn điều lệ.
  - + Vốn sở hữu các cổ đông là pháp nhân và các cá nhân ngoài Công ty: 46.584.140.000đ, chiếm 67,6% vốn điều lệ.
5. Việc tăng, giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.
6. Vốn điều lệ của Công ty được bổ sung theo từng thời kỳ để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
7. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh như:
  - + Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.
  - + Mua sắm tài sản cố định.
  - + Vật tư hàng hóa cần thiết phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
  - + Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
  - + Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh.
  - + Đầu tư vốn vào mục đích khác có lợi cho Công ty trên cơ sở pháp luật không cấm.

##### **Điều 10: Vốn vay và các loại vốn khác**

1. Vốn huy động là tài sản của các chủ sở hữu khác. Công ty được quyền huy động để sử dụng và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn và lãi (nếu có). Công ty phải chấp hành



- và tôn trọng các giới hạn khống chế về mức huy động, dự trữ tối thiểu bắt buộc và biện pháp bảo đảm an toàn về vốn.
2. Công ty được vay vốn của ngân hàng, các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước theo nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.
  3. Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, dùng để mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước hoặc mục đích khác do ĐHĐCĐ quyết định.
  4. Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước, các loại vốn khác theo đúng pháp luật hiện hành để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **Mục 2** **CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU**

### **Điều 11: Cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau, gọi là cổ phần.
2. Vốn điều lệ của Công ty khi thành lập được chia thành 6.900.000 cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.
3. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành lần đầu đều là **cổ phần phổ thông**. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tùy theo nhu cầu vốn, Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 12 : Cổ phiếu**

4. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành theo phương thức bút toán ghi sổ xác nhận quyền cổ đông được sở hữu một cổ phần hoặc một số cổ phần của Công ty.
5. Cổ đông sẽ được Công ty cấp Giấy chứng nhận cổ đông hoặc tờ cổ phiếu có xác nhận số cổ phần của cổ đông được sở hữu.
6. Tất cả các cổ phiếu do Công ty phát hành đều là cổ phiếu ghi danh.
7. Trường hợp Giấy chứng nhận cổ đông, tờ cổ phiếu bị mất, rách, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới bất kỳ hình thức nào, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và trình đủ các chứng cứ theo yêu cầu của Công ty để Công ty tiến hành cấp lại tờ cổ phiếu và cổ đông đó phải trả chi phí do Công ty quy định.
8. Mọi Giấy chứng nhận cổ đông, tờ cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu Công ty.
9. Cổ đông không được dùng cổ phiếu của Công ty để thế chấp, cầm cố để vay mượn tài sản của Công ty.

### **Điều 13: Chào bán cổ phần**

- a. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường của cổ phần tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các trường hợp sau đây:
  - + Cổ phần chào bán lần đầu.
  - + Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

- + Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc bảo lãnh. Trong trường hợp này số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- b. Cổ phần đã được bán hoặc đã được chuyển nhượng khi được thanh toán đủ, ghi đúng và đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của pháp luật vào Sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
- c. Khi Công ty tham gia niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán, thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

#### **Điều 14: Chuyển nhượng cổ phần**

Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, thừa kế, theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trừ những trường hợp hạn chế do Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này quy định. Cổ đông muốn mua, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính Công ty (nơi phát hành cổ phiếu). Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.

Cổ phần chuyển nhượng có điều kiện hoặc không điều kiện.

- a. Cổ phần chuyển nhượng có điều kiện gồm:
  - + Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, BKS trong thời gian đương nhiệm không được chuyển nhượng trừ những trường hợp đặc biệt sẽ do HĐQT xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
  - + Cổ phần của cổ đông được Công ty bảo lãnh vay vốn ngân hàng để mua cổ phần chỉ được chuyển nhượng sau khi trả nợ xong ngân hàng.
- b. Cổ phần chuyển nhượng không điều kiện:
  - + Là cổ phiếu của các cổ đông còn lại, được tự do chuyển nhượng sau khi được phát hành.

Trong thời gian ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, HĐQT xem xét, xử lý việc chuyển nhượng. Trong trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần, HĐQT thông báo rõ lý do cho các cổ đông bằng văn bản.

Khi Công ty tham gia niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì việc chuyển nhượng cổ phần phải tuân thủ các quy định của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 15: Thừa kế cổ phần**

1. Công ty giải quyết thừa kế cổ phần theo luật dân sự Việt Nam. Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
  - + Người thừa kế theo Luật định.
  - + Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp, thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các tranh chấp giữa những người thừa kế hợp pháp.
2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

3. Trường hợp thừa kế số cổ phần của người lao động trong Doanh nghiệp được bảo lãnh vay Ngân hàng để mua cổ phần thì người thừa kế phải chịu trách nhiệm về khoản trả dần (nếu còn).
4. Khi cổ đông là pháp nhân bị giải thể, sáp nhập, chia, tách hoặc phá sản thì quyền thừa kế liên quan đến cổ đông pháp nhân đó được giải quyết theo các quy định của pháp luật.
5. Việc thừa kế quyền sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT và BKS không kèm theo việc thừa kế tư cách thành viên HĐQT và BKS.

#### **Điều 16 : Phát hành cổ phiếu, trái phiếu**

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu phải được ĐHĐCĐ quyết định và ủy quyền cho HĐQT thực hiện.
2. Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.
3. Công ty có quyền phát hành các loại trái phiếu, các vấn đề liên quan đến việc phát hành các loại trái phiếu do HĐQT quyết định và không trái với quy định của pháp luật.

#### **Điều 17 : Mua lại cổ phần**

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:
  - a. Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ, có thể gửi văn bản yêu cầu Công ty mua lại cổ phần, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại và gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.
  - b. Công ty sẽ mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại tiết (a) trên đây với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận dựa vào sổ sách của Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau:

- a. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần phổ thông không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại trừ trường hợp quy định tại tiết (b) khoản 2 điều này.
  - b. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.
3. Quyền quyết định mua lại cổ phần:

HĐQT quyết định mua lại bằng hoặc ít hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng, trong các trường hợp khác việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định.

4. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 1, 2 điều 17 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1, 2 điều 17 Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

5. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại:

Trong trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại tiết (a) khoản 4 Điều 17 Điều lệ này thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

6. Khi Công ty niêm yết cổ phiếu trên Thị trường chứng khoán thì việc mua lại cổ phần sẽ được áp dụng theo qui định của pháp luật về chứng khoán.

### **Mục 3 CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 18 : Quy định chung về cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy Sản Đông Nam là những pháp nhân và cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
3. Pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty theo quy định của Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
4. Người đại diện hợp pháp của cổ đông tại Công ty:
  - a. Người đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân tại Công ty là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó theo quy định hiện hành của pháp luật.
  - b. Người đại diện nêu tại điểm (a) trên đây có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện cho cổ đông pháp nhân. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền lại cho người khác.
  - c. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty.
  - d. Việc ủy quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty.
  - e. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản và phải được HĐQT xác nhận.
  - f. Người được cử làm đại diện tại tiết (c,e) khoản 4 Điều này không được quyền cử người khác làm đại diện thay.

- g. Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác hoặc được xử lý theo quy định của pháp luật.

## **5. Công ty không có cổ đông sáng lập.**

### **Điều 19: Quyền lợi của cổ đông phổ thông**

1. Cổ đông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
  - b. Được nhận cổ tức tương ứng với số cổ phần sở hữu theo mức quy định của ĐHĐCĐ.
  - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu của từng cổ đông phổ thông trong Công ty.
  - d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần theo Điều lệ Công ty và phù hợp với luật pháp.
  - e. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác.
  - f. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty.
  - g. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, có quyền sau đây:
  - a. Đề cử người ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
  - a. Xem xét và trích lục sổ biên bản, các quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm, hàng năm và báo cáo của BKS;
  - b. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và nhiệm kỳ của HĐQT vượt quá sáu tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế.
  - c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
  - d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 20: Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - + Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty.
  - + Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

- + Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
  - + Họ, tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân (Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
  - + Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

**Điều 21: Trách nhiệm và nghĩa vụ cổ đông**

1. Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với số cổ phần của mình sở hữu.
2. Chấp hành Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty.
3. Thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
4. Không được rút vốn cổ phần với bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp Công ty giải thể
5. Bảo vệ uy tín, lợi ích tài sản và giữ bí mật về hoạt động của Công ty.
6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG IV TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT**

### **Mục 1 CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY**

**Điều 22: Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty bao gồm : Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.
2. Đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Mục 2 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 23: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm: Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

1. Đại hội cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham gia tối thiểu quy định tại Điều 27 của bản Điều lệ này.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc đại diện cổ đông thông qua theo Điều 30 của bản Điều lệ này.

**Điều 24: Đại hội đồng cổ đông thành lập**

Là phiên họp đầu tiên do Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp triệu tập.

1. Thành phần tham gia Đại hội đồng cổ đông thành lập là các cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã mua cổ phần của Công ty.

2. Đại hội cổ đông thành lập chi hợp lệ khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần phổ thông.
3. Đại hội cổ đông thành lập có nhiệm vụ:
  - + Thảo luận và thông qua Điều lệ.
  - + Bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
  - + Thông qua phương án sản xuất kinh doanh.
  - + Thông qua mức thù lao và các quyền lợi của HĐQT và BKS.

**Điều 25: Đại hội đồng cổ đông thường niên**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên hợp lệ khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần phổ thông.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
  - + Báo cáo tài chính hàng năm;
  - + Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
  - + Báo cáo của BKS về quản lý Công ty của HĐQT, Tổng Giám đốc;
  - + Mức cổ tức;
  - + Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 26: Đại hội đồng cổ đông bất thường**

- + Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
- + Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
- + Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- + Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý theo qui định của Luật Doanh nghiệp;
- + Theo yêu cầu của BKS;
- + Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 27: Thủ tục triệu tập và tiến hành các Đại hội đồng cổ đông**

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ 65% thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần 1 dự định khai mạc. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không đủ điều kiện họp lần thứ hai thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ khi cuộc họp lần 2 dự định khai mạc, trong trường hợp này, cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến các cổ đông 7 ngày trước ngày khai mạc đại hội hoặc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải kèm theo dự thảo chương trình họp, các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định, địa điểm họp Đại hội.
3. Các cổ đông đều được quyền tham dự Đại hội.
4. Những cổ đông không đến dự Đại hội được có thể ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay thế.
5. Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).
6. ĐHĐCĐ thành lập do Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp làm chủ tọa. Đại hội thường niên do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy nhiệm cho một ủy viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa.
7. Đại hội bất thường do ai triệu tập thì người đó làm chủ tọa.
8. Đại hội bầu Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.
9. Biên bản họp ĐHĐCĐ được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc hai ủy viên Hội đồng quản trị.
10. Đại biểu đương nhiên dự ĐHĐCĐ là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
11. Tất cả các chi phí do việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ đều được hạch toán vào chi phí của Công ty.

#### **Điều 28: Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ**

1. Khi có quyết định triệu tập ĐHĐCĐ, danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và phải lập xong chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ tên, địa chỉ thường trú của cổ đông cá nhân; tên, trụ sở của cổ đông pháp nhân; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
3. Mỗi cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông.
4. Mỗi cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

#### **Điều 29: Quyền dự họp ĐHĐCĐ**

Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp ĐHĐCĐ.

Trong trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

1. Cổ đông được ủy quyền cho người đại diện thay thế tham dự Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại ĐHĐCĐ nhưng không được đề cử, ứng cử với tư cách cá nhân.
2. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được Thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu.
4. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.



### **Điều 30: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp.

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có giá trị khi được số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, tổ chức lại, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng thư tín:

Trường hợp thông qua thư tín hoặc fax, thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% vốn điều lệ chấp thuận. Trong trường hợp này để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải tiến hành các công việc sau:

- + Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến.
  - + Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự Đại hội đồng cổ đông.
  - + Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu hỏi ý kiến, thông báo kết quả và các nội dung hỏi ý kiến đến tất cả các cổ đông trong thời gian 15 ngày tính từ ngày quyết định được thông qua.
4. Quyết định hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

### **Điều 31: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, và Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

### **Điều 32: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:
  - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
  - + Thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ.
  - + Chương trình và nội dung cuộc họp.
  - + Chủ tọa, Thư ký.

- + Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung, chương trình họp.
  - + Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
  - + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết; tổng số phiếu tán thành, không tán thành, số phiếu trắng, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
  - + Các vấn đề đã được thông qua.
  - + Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

### **Mục 3** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 33: Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị **có 5 thành viên**, do Đại hội đồng cổ đông bầu.
3. Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và một ủy viên thường trực, có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày của HĐQT.

#### **Điều 34: Điều kiện ứng cử Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Là cổ đông hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân, và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
3. Thành viên của Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết về luật pháp.

#### **Điều 35: Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. HĐQT bầu một thành viên của Hội Đồng làm Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện cho Công ty trước pháp luật có các quyền và nhiệm vụ sau đây :
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp, các tài liệu chuẩn bị cuộc họp, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp HĐQT.
  - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT.
  - d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quy định của HĐQT.

- e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của bản Điều lệ này và sẽ bổ sung khi cần thiết.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT cho đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.

### **Điều 36 : Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

### **Điều 37: Quyền hạn và trách nhiệm Hội đồng quản trị**

1. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.
2. Quyết định các phương án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư chiều sâu nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia liên doanh liên kết, góp vốn với các pháp nhân hoặc thể nhân khác để thành lập các công ty mới.
3. Quyết định các biện pháp làm giảm giá thành sản phẩm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
4. Duyệt dự án, thiết kế, dự toán và quyết toán các công trình đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định.
5. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Quyết định việc đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp khác.
6. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản để góp vốn.
7. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại.
8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty. Quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
9. Đề xuất việc bầu cử và bãi miễn thành viên HĐQT và BKS.
10. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy, quy chế về quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, đơn vị trực thuộc, phòng ban.
11. Quyết định các định mức kinh tế kỹ thuật, kế hoạch kinh doanh hàng năm và phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh do Tổng Giám đốc Công ty đề xuất.
12. Quyết định ban hành các quy chế về tài chính, tiền lương, lao động, của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định mức bồi thường thiệt hại vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.
13. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ, kiến nghị mức cổ tức được trả, thời hạn và thủ tục trả cổ tức, hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
14. Đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, quyết định và các quy định của HĐQT.

15. Xem xét và ủy quyền cho Tổng Giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty.
16. Quyết định các biện pháp phát triển thị trường, giải pháp tiếp thị.
17. Quyết định thực hiện các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các loại hợp đồng kinh tế khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
18. HĐQT không được trực tiếp hay gián tiếp cho vay hay cho mượn tài sản Công ty để thế chấp hoặc bảo lãnh nợ cho các đối tượng:
  - + Cổ đông của Công ty.
  - + Những người trong HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty.
  - + Những doanh nghiệp khác mà một hay nhiều chủ doanh nghiệp đó là cổ đông của Công ty.
19. HĐQT thông qua quyết định bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
20. HĐQT điều hành Công ty theo Điều lệ, quyết định của ĐHQĐ và theo luật pháp.

**Điều 38: Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thành lập, những người được bầu vào các chức danh Hội đồng quản trị có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp. Hội đồng quản trị hoàn tất các thủ tục còn lại và có trách nhiệm điều hành Công ty.

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ 03 tháng 1 lần.
2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:
  - + Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - + Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.
  - + Ban Kiểm soát.
  - + Tổng Giám đốc Công ty hoặc ít nhất 5 người quản lý khác.
3. Các hình thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, hoặc bằng hỏi ý kiến thông qua thư tín, qua Fax.

- + Cuộc họp của Hội đồng quản trị họp lệ khi có ít nhất 3/4 số thành viên tham dự.
- + Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo đa số thành viên dự họp đồng ý.

Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định cuối cùng.

4. Mọi Quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải được ghi trong biên bản và biên bản phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký.

**Điều 39: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- + Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 34 của Điều lệ này.

- + Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- + Có đơn xin từ chức.
- + Ngoài các trường hợp trên, thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.

**Điều 40: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT sẽ họp để xem xét và quyết định.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì HĐQT cử người thay thế và đảm nhận công việc của Chủ tịch cho đến khi đại hội gần nhất.
3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị khuyết quá 1/3 so với quy định tại tiết 2 điều 33 Điều lệ này thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung trong thời hạn không quá 60 ngày theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

**Điều 41: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong HĐQT**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được ủy quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.
2. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:
  - a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển hoạt động kinh doanh Công ty trong từng thời kỳ.
  - b. Được quyền yêu cầu các Cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
  - c. Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình.
  - d. Thực hiện Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

**Điều 42: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên của Hội đồng quản trị hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

## **Mục 4**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH**

#### **Điều 43: Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, không nhất thiết là cổ đông của Công ty và có thể là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm, có thể được bổ nhiệm lại.
4. Giúp việc Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

#### **Điều 44 : Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty có đủ các điều kiện như sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ **đại học**, có trình độ quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế - kỹ thuật. **Có ít nhất 5 năm công tác** trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật.
3. Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

#### **Điều 45: Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc**

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
7. Tuyển dụng lao động.
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
9. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 46: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty**

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quyết định của ĐHCĐ.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và của cổ đông Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và của cổ đông Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
5. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 47: Ủy quyền - Ủy nhiệm**

1. Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.
4. Các Trưởng phòng, ban trong Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho cấp Phó của mình để giải quyết công việc khi đi vắng.

#### **Điều 48: Từ nhiệm và miễn nhiệm**

1. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.
2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - + Chết, mất trí, mất quyền công dân.
  - + Tự ý bỏ nhiệm sở.
  - + Vi phạm quy định về quản lý doanh nghiệp của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Tổng Giám đốc từ nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để thay thế.

Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

#### **Điều 49: Các hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:
  - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
  - b. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc;
  - c. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
  - d. Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc có phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ;

- e. Người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.
2. Các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của của giao dịch.
3. Hội đồng quản trị quyết định chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
4. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng hoặc giao dịch khác trừ trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết, hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại bỏ phiếu.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều này. Cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản thu lợi từ việc thực hiện hợp đồng đó.

## **Mục 5** **BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 50: Ban Kiểm soát**

1. Là tổ chức thay mặt cổ đông thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Ban Kiểm soát có 3 người do ĐHĐCĐ bầu. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
3. Các thành viên Ban kiểm soát bầu 01 người là Trưởng Ban Kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát phải là cổ đông của Công ty. Ban Kiểm soát phải có hơn nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất 01 thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
4. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thực hiện nhiệm vụ.
5. Sau ĐHĐCĐ thành lập, các thành viên Ban kiểm soát thực hiện việc kiểm soát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.
6. BKS được hưởng thù lao theo quyết định ĐHĐCĐ.
7. Các chi phí hoạt động của BKS được hạch toán vào chi phí Công ty.

### **Điều 51: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát**

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
3. Thành viên BKS không được giữ các chức vụ quản lý Công ty;



4. Là cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân, **sở hữu hoặc đại diện cho quyền sở hữu cổ phần từ 1% vốn điều lệ trở lên.**
5. Có trình độ **Đại học trở lên**, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty, trong đó ít nhất một Kiểm soát viên phải có nghiệp vụ về tài chính kế toán.

#### **Điều 52: Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát**

1. Nhiệm kỳ của BKS là năm năm và trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu, thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi BKS mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Trong nhiệm kỳ có khiếm khuyết Kiểm soát viên thì ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

#### **Điều 53: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát**

1. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức, từ nhiệm đều phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị, thành viên BKS muốn từ nhiệm hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang làm thành viên BKS thì phải gửi văn bản đến BKS và HĐQT.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm khi vi phạm một trong các trường hợp như đối với thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này, không thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Trường hợp thiếu chức danh Trưởng Ban Kiểm soát thì các thành viên Ban kiểm soát còn lại cử người thay thế.
4. Trường hợp khuyết Kiểm soát viên có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Hội đồng quản trị tạm cử người thay thế cho đến khi triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung.

#### **Điều 54: Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm phân công Kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc.
2. Mỗi Kiểm soát viên dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban Kiểm soát, có trách nhiệm và quyền hạn như sau:
  - a. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, quyết toán năm tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có).
  - b. Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty.
  - c. Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra bảng tổng kết năm tài chính.
  - d. Báo cáo với ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo ý kiến độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về trách nhiệm của Kiểm soát viên.
  - e. Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị,
  - f. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất.
  - g. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ bất thường.

3. Các thành viên BKS không được tiết lộ bí mật của Công ty.
4. Kiểm soát viên hưởng thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ. Chi phí cho hoạt động của Kiểm soát viên được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

## **CHƯƠNG V CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

### **Điều 55: Chế độ và quyền lợi của người lao động**

#### 1. Chế độ tuyển dụng

Việc tuyển dụng lao động và trả lương được thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám đốc, hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền với người lao động phù hợp với quy định của pháp luật

#### 2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty.

- + Người lao động đang làm việc cho Doanh nghiệp Nhà nước theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang Công ty cổ phần sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động, đối với số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành. Công ty có trách nhiệm sắp xếp, sử dụng tối đa và giải quyết các quyền lợi cho người lao động.
- + Khi chuyển sang Công ty Cổ phần, mọi chế độ như BHXH, BHYT và các quyền lợi khác theo pháp luật được Công ty Cổ phần tiếp tục thực hiện.
- + Công ty Cổ phần có trách nhiệm kế thừa mọi nghĩa vụ đối với người lao động từ Doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang. Có quyền tuyển chọn, bố trí sử dụng lao động theo yêu cầu công việc và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VI HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ**

### **Điều 56: Hạch toán kế toán, trình báo cáo hàng năm**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty Cổ phần chính thức thành lập và kết thúc vào 31 tháng 12 năm đó.
2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng chế độ hiện hành.
3. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT xem xét, thông qua quyết toán để trình ĐHĐCĐ gồm có:
  - a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính;
  - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

Các bản báo cáo này phải được gửi đến các Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc Đại hội thường niên.

Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị; báo cáo thẩm định của BKS phải có trước Đại hội cổ đông thường niên 7 ngày làm việc.

4. Sau ĐHĐCĐ, các văn bản, biên bản và các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty theo luật định.

### **Điều 57: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ**

1. Lợi nhuận của Công ty là phần còn lại sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi các khoản chi phí, các khoản thuế và các chi phí khác mang tính chất nộp Ngân sách Nhà nước theo pháp luật hiện hành.
2. Trước khi phân chia Cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ.
  - a. Quỹ dự trữ bắt buộc ít nhất bằng 5% lợi nhuận ròng để dự trữ tài chính bù đắp những tổn thất rủi ro hoặc thua lỗ trong quá trình sản xuất kinh doanh cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ.
  - b. Các quỹ khác tỷ lệ % do HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định.
    - + Quỹ đầu tư phát triển.
    - + Quỹ khen thưởng.
    - + Quỹ phúc lợi.
    - + Các quỹ khác.
3. HĐQT có trách nhiệm xây dựng Quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ đề trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.
4. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp.
5. Trả cổ tức:
  - a. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
  - b. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức phải được gửi đến cổ đông 15 ngày trước khi trả, thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ cổ đông, số cổ phần, mức cổ tức và tổng số cổ tức mà họ được hưởng, thời điểm và phương thức trả cổ tức.
  - c. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
  - d. Khi Công ty niêm yết cổ phiếu trên Thị trường chứng khoán thì các thời hiệu xác định quyền lợi về cổ tức được căn cứ theo các quy định về giao dịch, lưu ký và thanh toán của Thị trường chứng khoán.

### **Điều 58: Xử lý kinh doanh thua lỗ**

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, ĐHĐCĐ có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp.

- + Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
- + Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời GD, HĐQT, ĐHĐCĐ tùy theo thẩm quyền phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

## **CHƯƠNG VII**

### **GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY**

#### **Điều 59: Giải thể, thanh lý Công ty**

1. Công ty Cổ phần Thủy Sản Đông Nam giải thể trong các trường hợp sau đây:

- + Trường hợp Công ty bị lỗ đến  $\frac{3}{4}$  vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để quyết định việc giải thể Công ty.
  - + Theo quyết định của ĐHĐCĐ.
  - + Khi Công ty không còn đủ số lượng cổ đông là 3 người trong vòng 6 tháng liên tục.
  - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty bị thu hồi.
2. Khi có quyết định giải thể Công ty, ĐHĐCĐ lập Hội đồng thanh lý thay thế HĐQT để cùng Ban Kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
  3. Trong thời gian thanh lý, các thành lý viên và Ban Kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.
  4. Sau khi có quyết định giải thể Công ty của ĐHĐCĐ, HĐQT và BKS phải tiến hành đúng trình tự và các thủ tục theo qui định của pháp luật :
    - + Thanh lý mọi hợp đồng của Công ty đã ký với các cá nhân và tổ chức khác.
    - + Thu hồi tất cả tài sản của Công ty.
    - + Kiểm tra đánh giá lại toàn bộ tài sản của Công ty và bán đấu giá các tài sản đó.
    - + Thanh toán mọi khoản nợ của Công ty.
    - + Chia tài sản còn lại (quy ra tiền) cho các cổ đông theo tỷ lệ số cổ phần sở hữu.
    - + Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau :
      - Chi phí thanh lý.
      - Tiền lương và bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ nhân viên.
      - Các khoản thuế nợ ngân sách Nhà nước.
      - Các khoản vay (nếu có).
      - Các khoản nợ khác của Công ty.
      - Số dư còn lại sau khi thanh toán các khoản trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông.

#### **Điều 60: Tổ tụng, tranh chấp, phá sản Công ty**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện Công ty trước pháp luật và có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc trong các giai đoạn tranh tụng.
2. Công ty Cổ phần Thủy Sản Đông Nam có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tổ tụng, tranh chấp.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định hiện hành.
4. Công ty thực hiện việc phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG VIII CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

#### **Điều 61: Điều khoản thi hành.**

Điều lệ của Công ty có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thành lập biểu quyết thông qua. Công ty được chính thức hoạt động khi Đại hội đồng cổ đông thành lập đã làm đủ các thủ tục sau đây:

- + Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước.
- + Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và cử Tổng Giám đốc điều hành.
- + Đã giao quyền quản trị Xí Nghiệp cho Công ty Cổ phần Thủy Sản Đông Nam .
- + Hoàn tất thủ tục với cơ quan Nhà nước theo luật pháp hiện hành.
- + ĐHĐCĐ đã thảo luận và chấp thuận toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ.

Việc sửa đổi hoặc bổ sung bản Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ thông qua. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được nêu trong bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp chi phối.

**Điều 62: Con dấu**

Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại các cơ quan theo pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật .

**Điều 63: Đăng ký Điều lệ.**

Bản Điều lệ này gồm 8 Chương, 63 Điều được ĐHĐCĐ thành lập Công ty Cổ phần Thủy sản Đông Nam thông qua và chấp thuận toàn bộ vào ngày .....tháng .....năm 2008

Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- + 01 bản nộp tại phòng Công chứng Nhà nước TP.Cần Thơ.
- + 04 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của UBND TP.Cần Thơ
- + 05 lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

Các bản trích hay sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Làm tại TP.Cần Thơ, ngày 19 tháng 12 năm 2007.

**TM BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA  
ỦY VIÊN**